**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

******

**THỰC HÀNH**

**BÀI TẬP NHÓM**

**MÔN: NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**

**LỚP: 233\_71ITSE41003\_0203**

**GVHD: Nguyễn Văn Trung**

**SVTH: Triệu Thành Nhân - 2274802010601**

**Đỗ Nhật Hào - 2274802010215**

**Hoàng Mạnh Kiên - 2274802010441**

**TP. Hồ Chí Minh – 6/2024**

Mục lục

[**Câu 1: (2 điểm)** 1](#_Toc172325981)

[**1.1.** **Lập kế hoạch cho nhóm thực hiện đồ án trong 3 tuần và chi tiết công việc của từng tuần kèm theo phân công công việc cụ thể cho từng thành viên.** 1](#_Toc172325982)

[**1.2.** **Đưa toàn bộ kế hoạch thực hiện đồ án môn học lên trên hệ thống Azure Devops để quản lý (quản lý theo từng tuần).** 3](#_Toc172325983)

[**Câu 2: (1.5 điểm)** 3](#_Toc172325984)

[**Nhận diện và đưa ra từ 5 - 8 rủi ro mà bạn cho rằng thường xảy ra và có ảnh hưởng lớn tới dự án xây dựng sản phẩm (không phải đồ án môn học).** 3](#_Toc172325985)

[**Câu 3: (2.5 điểm)** 5](#_Toc172325986)

[**3.1. Tạo product backlog cho ứng dụng (gồm các chức năng của ứng dụng mobile app trên) chứa các user story của người dùng với các nội dung sau:** 5](#_Toc172325987)

[**- Mô tả user story** 5](#_Toc172325988)

[**- Vai trò tham gia** 5](#_Toc172325989)

[**- Các điều kiện ràng buộc** 5](#_Toc172325990)

[**3.2. Tạo các sprint backlog từ product backlog, trong đó nêu rõ mỗi sprint có thời gian thực hiện bao lâu.** 8](#_Toc172325991)

[**Câu 4: (2.5 điểm)** 9](#_Toc172325992)

[**- Vẽ user case diagram tổng quát cho ứng dụng app mobile trên** 9](#_Toc172325993)

[**- Thiết kế ít nhất 3 giao diện cho sản phẩm app mobile trên** 9](#_Toc172325994)

[**- Sử dụng Usecase Description mô tả hoạt động người dùng của 3 giao diện trên** 9](#_Toc172325995)

[**Câu 5: (1.5 điểm)** 19](#_Toc172325996)

[**Tạo cấu trúc project và dùng git để quản lý source code. Trong git phải quản lý được ít nhất các công việc sau:** 19](#_Toc172325997)

**Đề bài: Xây dựng một ứng dụng app mobile đọc các thông tin của thẻ visa master có gắn chip. Thay vì khách hàng dùng thẻ cứng để đi giao dịch tại các điểm giao dịch thì họ sẽ dùng điện thoại lưu trữ các thẻ vào trong ứng dụng. Khi họ muốn sử dụng bất kỳ thẻ nào thì sẽ mở app, chọn thẻ tương ứng và bắt đầu thực hiện giao dịch.**

**- Đọc các thông tin thẻ có gắn chip: lấy thông tin của thẻ lưu trữ vào storage của phone. Thông tin có thể bao gồm: tài khoản, tên chủ tài khoản, ngày mở.**

**- Quản lý thẻ: khi có nhiều thẻ thì phải cho khách hàng chọn thẻ cần tương tác, hay có thể xóa thẻ đó ra khỏi danh sách khi họ không dùng nữa.**

**- Truyền thông tin qua đầu quét: khách hàng chọn thẻ cần thực hiện và tiến hành quét vào đầu thu (đầu thu ở đây là máy pos hay là một cái điện thoại có thể giao tiếp được).**

# **Câu 1: (2 điểm)**

## **Lập kế hoạch cho nhóm thực hiện đồ án trong 3 tuần và chi tiết công việc của từng tuần kèm theo phân công công việc cụ thể cho từng thành viên.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên công việc** | **Effort hoàn thành** | **Mức độ ưu tiên (1-4)** | **Thành viên được giao** | **Ngày bắt đầu** | **Ngày kết thúc** |
| Tạo bảng kế hoạch | 2 tiếng | 4 | Nhân | 3/7/2024 | 4/7/2024 |
| Đưa bảng kế hoạch lên Azure Devops | 2 tiếng | 3 | Kiên | 3/7/2024 | 4/7/2024 |
| Tìm hiểu và nhận diện về các rủi ro ( 5-8 rủi ro) | 4 tiếng | 3 | Kiên | 3/7/2024 | 4/7/2024 |
| Tạo mẫu tài liệu | 4 tiếng | 2 | Hào | 4/7/2024 | 5/7/2024 |
| Đưa mẫu tài liệu lên Azure Devops | 4 tiếng | 2 | Kiên | 5/7/2024 | 6/7/2024 |
| Mô tả các User story | 4 tiếng | 3 | Kiên + Nhân | 6/7/2024 | 7/7/2024 |
| Tạo product backlog cho ứng dụng | 8 tiếng | 3 | Kiên | 7/7/2024 | 8/7/2024 |
| Tạo sprint backlog từ product backlog | 8 tiếng | 3 | Nhân | 9/7/2024 | 10/7/2024 |
| Tham khảo tài liệu thêm ý kiến về user case | 4 tiếng | 3 | Hào | 11/7/2024 | 12/7/2024 |
| Vẽ user case diagram tổng quát cho ứng dụng | 8 tiếng | 3 | Hào | 12/7/2024 | 13/7/2024 |
| Tham khảo tài liệu thiết kế, chi tiết và thiết kế từng phần | 8 tiếng | 3 | Hào | 13/7/2024 | 13/7/2024 |
| Thiết kế giao diện cho sản phẩm | 8 tiếng | 4 | Hào + Nhân | 14/7/2024 | 14/7/2024 |
| Sử dụng Usecase Description mô tả hoạt động người dùng của 3 giao diện | 4 tiếng | 3 | Hào | 15/7/2024 | 16/7/2024 |
| Tạo cấu trúc project và dùng git để quản lý source code | 8 tiếng | 3 | Nhân | 16/7/2024 | 18/7/2024 |

## **Đưa toàn bộ kế hoạch thực hiện đồ án môn học lên trên hệ thống Azure Devops để quản lý (quản lý theo từng tuần).**

Tuần 1:

A white rectangular object with a black border

Description automatically generated

Tuần 2:

A white rectangular object with a black border

Description automatically generated

Tuần 3:

A white rectangular object with a black border

Description automatically generated

# **Câu 2: (1.5 điểm)**

## **Nhận diện và đưa ra từ 5 - 8 rủi ro mà bạn cho rằng thường xảy ra và có ảnh hưởng lớn tới dự án xây dựng sản phẩm (không phải đồ án môn học).**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên rủi ro** | **Mô tả/diễn giải** | **Tần suất xảy ra** | **Mức độ ảnh hưởng** | **Giải pháp** | **Người giải quyết** |
| 1 | Rủi ro bảo mật dữ liệu | Nguy cơ lộ thông tin thẻ, tài khoản khi lưu trữ và truyền dữ liệu. | Cao | Rất cao | Áp dụng mã hóa mạnh, kiểm tra bảo mật định kỳ, tuân thủ PCI DSS. | Developer |
| 2 | Thiếu hụt tài nguyên kỹ thuật | Thiếu nhân lực hoặc kỹ năng chuyên môn để phát triển và bảo trì ứng dụng. | Trung bình | Cao | Đào tạo nhân viên, thuê chuyên gia, lập kế hoạch rõ ràng. | Technical Lead |
| 3 | Thay đổi yêu cầu từ khách hàng | Khách hàng thay đổi yêu cầu hoặc phạm vi của dự án giữa chừng. | Cao | Trung bình | Quản lý biến động yêu cầu, làm rõ phạm vi dự án từ đầu. | Project Manager |
| 4 | Rủi ro từ tích hợp công nghệ mới | Khả năng thất bại khi tích hợp các công nghệ mới hoặc chưa phổ biến. | Thấp | Cao | Thử nghiệm trước, đào tạo nhân viên, đảm bảo tính tương thích. | Developer |
| 5 | Rủi ro liên quan đến pháp lý | Vi phạm quy định pháp luật về bảo mật và sử dụng thông tin thẻ tín dụng. | Trung bình | Cao | Tư vấn luật sư, tuân thủ quy định pháp lý, cập nhật thường xuyên về pháp luật. | Legal Consultant |
| 6 | Rủi ro từ hạ tầng mạng | Mất kết nối mạng hoặc kết nối không ổn định khi truyền dữ liệu. | Trung bình | Trung bình | Thiết lập dự phòng mạng, tối ưu hóa giao thức truyền dữ liệu. | Network Engineer |
| 7 | Rủi ro về lỗi phần mềm | Lỗi phần mềm có thể gây mất dữ liệu hoặc không thể thực hiện giao dịch. | Thường xuyên | Cao | Kiểm thử kỹ lưỡng, bảo trì và cập nhật thường xuyên. | Developer |
| 8 | Rủi ro về khả năng tương thích phần cứng | Khả năng không tương thích với các thiết bị quét hoặc các hệ điều hành khác nhau. | Cao | Trung bình | Kiểm tra khả năng tương thích, hỗ trợ nhiều hệ điều hành, kiểm thử kỹ lưỡng. | Hardware Specialist |

# **Câu 3: (2.5 điểm)**

## **3.1. Tạo product backlog cho ứng dụng (gồm các chức năng của ứng dụng mobile app trên) chứa các user story của người dùng với các nội dung sau:**

### **- Mô tả user story**

### **- Vai trò tham gia**

### **- Các điều kiện ràng buộc**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Features** | **Use story ID** | **Functions** | | | **Acceptance** | **Priority** |
| **As a** | **I want to** | **So that I can** |
| **Chức Năng Ứng Dụng** | User Story 1 | User | Đăng ký tài khoản mới | Khách hàng có khả năng đăng ký tài khoản để có thể lưu trữ và quản lý thông tin thẻ của mình. | AC1: Lưu thông tin người dùng; AC2: Thông báo lỗi khi thông tin không hợp lệ; AC3: Chuyển đến trang chính sau khi đăng ký thành công. | High |
| User Story 2 | User, Admin | Đăng nhập | Để truy cập các chức năng lưu trữ và quản lý thẻ. | AC1: Đăng nhập thành công; AC2: Thông báo sai tài khoản/mật khẩu; AC3: Chuyển đến giao diện chính sau khi đăng nhập. | High |
| User Story 3 | User, Admin | Đăng xuất khỏi tài khoản | Để bảo mật thông tin cá nhân. | AC1: Khi người dùng đăng xuất khỏi hệ thống, hệ thống sẽ đăng xuất tài khoản và chuyển đến trang giao diện đăng nhập  AC2: Khi người dùng chọn logout hệ thống sẽ hiển thị thông báo bạn đã đăng xuất khỏi hệ thống | High |
| User Story 4 | User | Thêm thẻ vào ứng dụng | Có thêm thẻ có gắn chip vào ứng dụng để có thể lưu trữ thông tin và sử dụng thẻ trên điện thoại | AC1: Lưu thông tin của khách hang vào ứng dụng để quản lý;  AC2: Phải minh chứng là chính chủ bằng và xác nhận sinh trắc học | High |
| **Quản lý thông tin tài khoản** | User Story 5 | User | Cập nhật thông tin cá nhân | Để thông tin luôn chính xác và cập nhật. | AC1: Lưu thông tin chỉnh sửa; AC2: Thông báo lỗi khi vi phạm thông tin. | High |
| User Story 6 | Admin | Xem và quản lý thông tin khách hàng | Để theo dõi thông tin và giao dịch của khách hàng. | AC1: Hiển thị danh sách khách hàng;  AC2: Có khả năng chỉnh sửa thông tin khách hàng. | High |
| User Story 7 | User | Đọc thông tin thẻ | Để lưu trữ và sử dụng thẻ. | AC1: Đọc thông tin thẻ thành công; AC2: Thông báo lỗi khi không thể đọc thẻ. | High |
| **Quản lý thẻ** | User Story 8 | User | Lưu trữ thông tin thẻ | Để sử dụng thẻ mà không cần thẻ cứng. | AC1: Lưu thông tin thẻ thành công; AC2: Thông báo lỗi khi thêm thẻ không hợp lệ. | High |
| User Story 9 | User | Quản lý thẻ | Để chọn thẻ cần sử dụng trong giao dịch. | AC1: Hiển thị danh sách thẻ đã lưu;  AC2: Có khả năng chọn thẻ để sử dụng. | High |
| User Story 10 | User | Xóa thẻ | Để quản lý thẻ hiệu quả hơn. | AC1: Xóa thẻ thành công khỏi danh sách;  AC2: Thông báo xác nhận khi xóa thẻ. | Medium |
| **Giao dịch** | User Story 11 | User | Chọn thẻ để thực hiện giao dịch | Để giao dịch nhanh chóng và tiện lợi. | AC1: Chọn thẻ thành công;  AC2: Giao diện hiển thị thông tin thẻ đã chọn. | High |
| User Story 12 | User | Truyền thông tin thẻ qua đầu quét | Để thực hiện giao dịch tại các điểm bán. | AC1: Giao dịch được thực hiện thành công;  AC2: Thông tin thẻ được truyền chính xác tới thiết bị quét. | High |
| User Story 13 | User | Nhận thông báo xác nhận giao dịch | Để biết giao dịch đã hoàn tất thành công | AC1: Hiển thị thông báo xác nhận giao dịch thành công; AC2: Thông báo lỗi khi giao dịch không thành công. | High |
| User Story 14 | User | Tạo mã PIN hoặc sử dụng sinh trắc học | Để tăng cường bảo mật cho ứng dụng. | AC1: Tạo mã PIN thành công; AC2: Xác thực sinh trắc học thành công. | High |
| **Bảo mật thông tin** | User Story 15 | User, Admin | Đảm bảo thông tin thẻ được bảo mật | Để bảo vệ thông tin cá nhân và tài chính. | AC1: Thông tin thẻ được mã hóa; AC2: Không cho phép truy cập trái phép vào thông tin thẻ. | High |
| **Hỗ trợ đa ngôn ngữ** | User Story 16 | User | Chọn ngôn ngữ hiển thị trong ứng dụng | Để sử dụng ứng dụng dễ dàng hơn. | AC1: Hiển thị ứng dụng bằng ngôn ngữ đã chọn;  AC2: Thay đổi ngôn ngữ không làm mất dữ liệu người dùng. | Medium |
| **Sửa bảo trì** | User Story 17 | Admin | Thực hiện bảo trì và sửa lỗi ứng dụng | Để đảm bảo ứng dụng hoạt động ổn định và hiệu quả. | AC1: Ứng dụng hoạt động ổn định sau bảo trì; AC2: Không có lỗi phát sinh trong quá trình sử dụng. | High |

## **3.2. Tạo các sprint backlog từ product backlog, trong đó nêu rõ mỗi sprint có thời gian thực hiện bao lâu.**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

# **Câu 4: (2.5 điểm)**

### **- Vẽ user case diagram tổng quát cho ứng dụng app mobile trên**

### **- Thiết kế ít nhất 3 giao diện cho sản phẩm app mobile trên**

### **- Sử dụng Usecase Description mô tả hoạt động người dùng của 3 giao diện trên**

**User case diagram cho ứng dụng App mobile**

A diagram of a bank

Description automatically generated

**Giao diện của App mobile**

1. **Trang giao diện chính (Home)**

Người dùng có thể xem thông tin thẻ chính (VPBank Visa Platinum Plus), truy cập các mục điện thoại, trả góp, ngân hàng, tận hưởng, thống kê, mở tài khoản, và quản lý thẻ.

**A screenshot of a phone

Description automatically generated**

1. **Trang chi tiết thẻ**

Người dùng có thể xem số dư hiện tại (Vd: 8,072,004 VND) và biểu đồ thống kê chi tiêu hàng tháng.

A screenshot of a phone

Description automatically generated

1. **Trang thêm thẻ mới (Add new card)**

Người dùng nhập các thông tin cần thiết như họ tên, số thẻ, ngày hết hạn, loại thẻ, và CVV, sau đó nhấn vào nút "Thêm thẻ" để hoàn tất quá trình thêm thẻ mới.

A screenshot of a phone

Description automatically generated

1. **Trang quản lý thẻ (Card Management)**

User có thể xem danh sách các thẻ hiện có, bao gồm các thẻ VPBank Platinum Plus với các thông tin liên quan như số thẻ, tên chủ thẻ, và ngày hết hạn.

A screenshot of a credit card

Description automatically generated

1. **Trang Menu (Thông tin)**

User có thể truy cập các mục như doanh thu, thêm bạn bè, cài đặt, khám phá, thông báo, và nhắc nhở thông qua menu bên góc trái.

A screenshot of a phone

Description automatically generated

**Tổng các giao diện của App mobile**

Screens screenshots of a phone

Description automatically generated

**Sử dụng Usecase Description mô tả hoạt động người dùng của 3 giao diện trên**

**Use-Case Descirption: Trang chủ (Home)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-Case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Trang chủ |
| **Mô tả** | Người dùng có thể xem thông tin thẻ chính (VPBank Visa Platinum Plus), truy cập các mục điều khoản, trả góp, ngân hàng, tặng quà, mở tài khoản, và quản lý thẻ. |
| **Actor** | Người dùng |
| **Điều kiện kích hoạt** | Khi người dùng mở ứng dụng. |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng phải có tài khoản trên hệ thống. |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị thông tin trang chủ. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Hệ thống hiển thị màn hình chính.  2. Người dùng xem thông tin thẻ chính. 3. Người dùng truy cập các mục điều khoản, trả góp, ngân hàng, tặng quà, mở tài khoản, quản lý thẻ. |

**Use-Case Descirption : Trang chi tiết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-Case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Trang chi tiết thẻ |
| **Mô tả** | Người dùng có thể xem số dư hiện tại (Vd: 8,072,004 VNĐ) và biểu đồ thông kê chi tiêu theo tháng. |
| **Actor** | Người dùng |
| **Điều kiện kích hoạt** | Khi người dùng chọn chức năng chi tiết thẻ từ trang chủ của hệ thống. |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng phải có tài khoản trên hệ thống. |
| **Hậu điều kiện** | Người dùng đăng nhập thành công và xem được chi tiết thẻ. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thẻ.  2. Người dùng xem số dư hiện tại.  3. Người dùng xem biểu đồ thống kê chi tiêu theo tháng. |

**Use-Case Descirption : Thêm thẻ mới (Add new card)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-Case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Thêm thẻ mới |
| **Mô tả** | Use-case cho phép người dùng thêm thông tin thẻ mới vào hệ thống. |
| **Actor** | Người dùng |
| **Điều kiện kích hoạt** | Người dùng chọn chức năng "Thêm thẻ" từ giao diện. |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng phải có tài khoản trên hệ thống. |
| **Hậu điều kiện** | Người dùng thêm thẻ thành công. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Hệ thống hiển thị màn hình thêm thẻ mới.  2. Người dùng nhập các thông tin cần thiết như họ tên, số thẻ, ngày hết hạn, loại thẻ, và CVV.  3. Hệ thống kiểm tra thông tin thẻ.  4. Nếu thành công, hệ thống lưu thông tin thẻ mới.  5. Kết thúc Use-Case. |

**Use-Case Descirption: Trang quản lý thẻ (Card Management)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-Case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Quản lý thẻ |
| **Mô tả** | User có thể xem danh sách các thẻ hiện có, bao gồm các thẻ VPBank Platinum Plus với các thông tin liên quan như số thẻ, tên chủ thẻ, và ngày hết hạn. |
| **Actor** | User |
| **Điều kiện kích hoạt** | Khi người dùng chọn chức năng quản lý thẻ từ trang chủ của hệ thống. |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng phải có tài khoản trên hệ thống. |
| **Hậu điều kiện** | Người dùng xem được danh sách các thẻ và thông tin liên quan. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Hệ thống hiển thị màn hình quản lý thẻ.  2. Người dùng xem danh sách các thẻ hiện có.  3. Người dùng xem các thông tin liên quan đến từng thẻ (số thẻ, tên chủ thẻ, ngày hết hạn). |

**Use-Case Descirption: Trang Menu (Thông tin)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Use-Case** | **Nội dung** |
| **Tên Use-Case** | Truy cập Menu |
| **Mô tả** | Use-case cho phép người dùng truy cập các mục trong menu. |
| **Actor** | User |
| **Điều kiện kích hoạt** | Người dùng chọn biểu tượng menu từ giao diện chính. |
| **Tiền điều kiện** | Người dùng phải có tài khoản trên hệ thống. |
| **Hậu điều kiện** | Người dùng truy cập thành công mục mong muốn trong menu. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. Hệ thống hiển thị màn hình menu.  2. Người dùng chọn mục cần truy cập như doanh thu, thêm bạn bè, cài đặt, khám phá, thông kê, và nhắc nhở.  3. Hệ thống chuyển tới mục được chọn. 4. Người dùng thao tác trong mục được chọn.  5. Kết thúc Use-Case. |

# **Câu 5: (1.5 điểm)**

## **Tạo cấu trúc project và dùng git để quản lý source code. Trong git phải quản lý được ít nhất các công việc sau:**

**Các bước để thực hiện quản lý project trên github**

**Bước 1: Truy cập vào trang chủ git-hub và đăng nhập tài khoản cá nhân**

* Trang chủ Github: <https://github.com/>
* Giao diện trước khi đăng nhập

A screenshot of a computer

Description automatically generated

* Giao diện sau khi đăng nhập vào tài khoản cá nhân

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**Bước 2: Tạo** R**epository mới**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

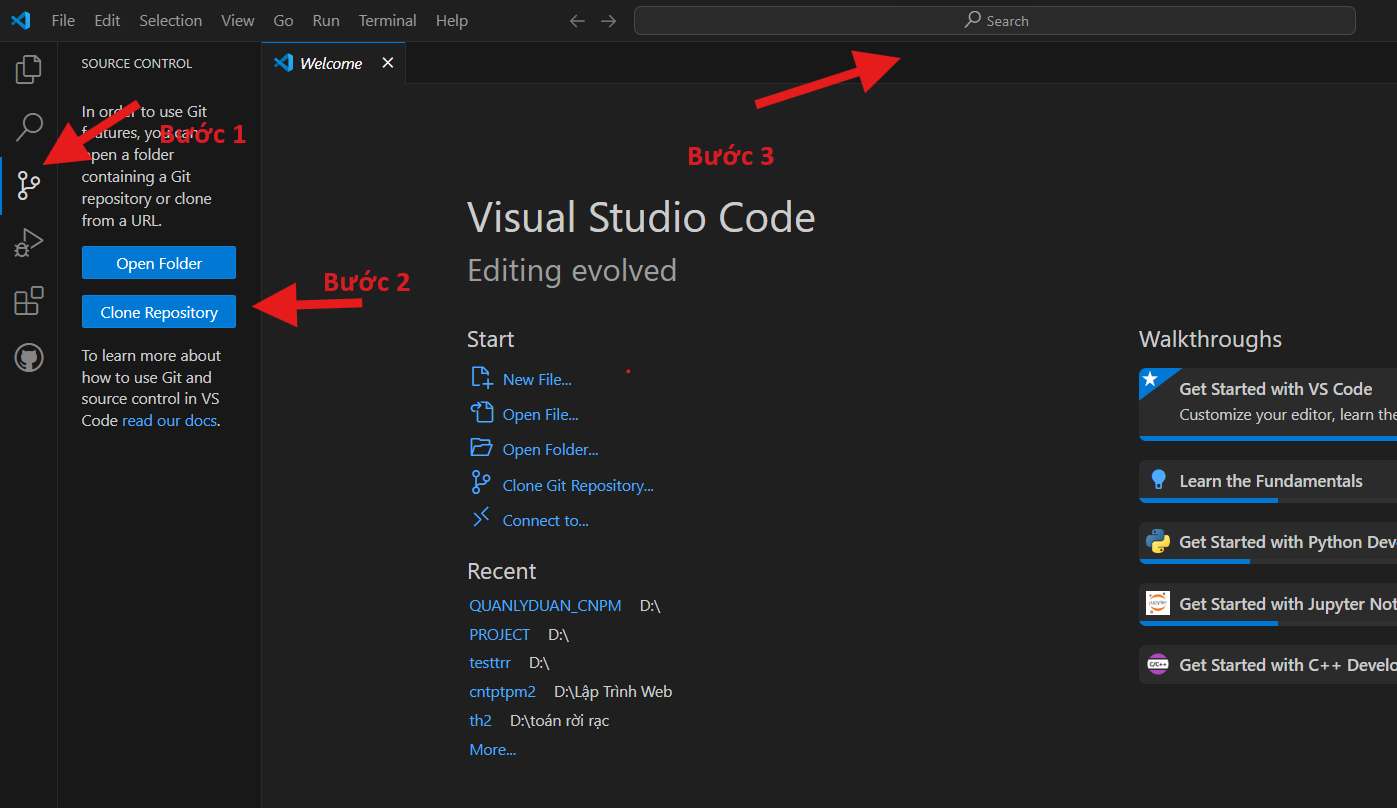
**Bước 3: Truy cập vào Repository vừa tạo và lấy đường link truy cập Repository vừa tạo để thực hiện Clone vào Git**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**Bước 4: Thực hiện Clone vào Git bằng Vscode**

* Bước 1: Ấn vào biểu tượng trên màn hình
* Bước 2: Chọn New Repository/ Clone Repository
* Bước 3: Ấn vào thanh tìm kiếm và dán đường link vừa sao chép vào

****

**Bước 5: Chọn nơi lưu file và Select để clone dữ liệu trên git về máy cá nhân**

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

**Bước 6: Upload file/source project vào Git**

* Tại trang chủ của Reposity ấn vào Add file và chọn Upload files

A screenshot of a computer

Description automatically generated

* Ấn vào Choose your file và Chọn file cần Upload
* Sau khi chọn file ấn vào Commit changes

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

**Cách tạo Nhánh ( Branch ) cho từng thành viên quản lý**

**Bước 1:**

* Từ trang chủ của Reposity ta chọn vào Branches

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**Bước 2:**

* Ấn vào New Branch để tạo nhánh quản lý cho từng chức vụ

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

* Nhập thông tin của nhánh sau đó nhấn Create new branch để tạo nhánh

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

**Cách tạo Pull requests cho nhóm trưởng mới được merge code nhánh của các thành viên vào nhánh master**

**Bước 1:**

* Vào Pull requests để tạo một pull request mới

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

* Tạo New pull request mới

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**Bước 2: Chọn nhánh ( branch ) để người quản lý có thể pull vào nhánh master**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**Bước 3: Sau khi tạo Pull requests người quản lý có thể merge code vào nhánh chính**

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

**Các Nhánh ( Branch ) của nhóm Itai:**

* Nhánh master dành cho admin, tổng hợp các file/source của các thành viên trong dự án
* Nhánh của từng thành viên trong nhóm bao gồm:

+ TRIEUTHANHNHAN

+ DONHATHAO

+ HOANGMANHKIEN

**A screenshot of a computer

Description automatically generated**

**Đường link Github của him:** <https://github.com/thanhnhan0328/QUANLYDUAN_CNPM>